

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210. 3911 696

Fax.: 0210. 3911 512



HỒ SƠ

CÔNG BỐ TCCS CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HOÁ

SẢN PHẨM NATRI HYDROXIT CÔNG NGHIỆP

(*Industrial sodium hydroxide*)

TCCS 01:2024/HCVT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 103/QĐ-HCVT ngày 25 tháng 3 năm 2024)

Số: 103/QĐ-HCVT

Việt Trì, ngày 25 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành tiêu chuẩn cơ sở
Natri hydroxit công nghiệp

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số: 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 và Nghị định số: 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số: 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ QCVN 03A:2020/BCT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng Natri hydroxit công nghiệp;

Căn cứ khả năng sản xuất của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 01:2024/HCVT, áp dụng cho sản phẩm Natri hydroxit công nghiệp được sản xuất tại Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Kỹ thuật.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Văn Đình Hoan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 01:2024/HCVT

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì
Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: 0210.3911698 Fax: 0210.3911512
Website: <http://vitrichem.vn> Email: info@vitrichem.vn

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn: TCCS 01:2024/HCVT.

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Natri hydroxit công nghiệp được sản xuất tại Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì.

Công ty cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Tiêu chuẩn cơ sở có giá trị 3 năm kể từ ngày ký.

Việt Trì, ngày 25 tháng 3 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Văn Đình Hoan

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
1. Phạm vi áp dụng	4
2. Tài liệu viện dẫn	4
3. Yêu cầu kỹ thuật.....	5
4. Phương pháp lấy mẫu.....	5
5. Phương pháp thử	5
6. Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản, tồn trữ.....	6
6.1 Ghi nhãn	6
6.2 Bao gói	7
6.3 Vận chuyển.....	7
6.4 Bảo quản, tồn trữ	7
7. Quy tắc an toàn.....	8

LỜI NÓI ĐẦU

TCCS 01:2024/HCVT ban hành ngày 25 tháng 3 năm 2024 thay thế TCCS 01:2023/HCVT ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2024.

Cơ quan biên soạn và ban hành: Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì theo Quyết định số: 103/QĐ-HCVT, ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì.

NATRI HYDROXIT CÔNG NGHIỆP

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01:2024/HCVT áp dụng cho sản phẩm Natri hydroxit công nghiệp dạng lỏng được sản xuất tại Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì.

Công thức phân tử: NaOH

Khối lượng phân tử: 39,97

2. Tài liệu viện dẫn

TCVN 1694:1975 - Sản phẩm hoá học - Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu

TCVN 7289:2003 - Lấy mẫu sản phẩm hóa dùng trong công nghiệp - an toàn trong lấy mẫu

TCVN 4851:1989 - Nước dùng để phân tích trong phòng thí nghiệm

TCVN 1058:1978 - Hoá chất - Phân nhóm và ký hiệu mức độ tinh khiết

TCVN 4374:1986 - Thuốc thử - Phương pháp chuẩn bị dung dịch chỉ thị

TCVN 1055:1986 - Thuốc thử - Phương pháp chuẩn bị các thuốc thử dung dịch và hỗn hợp dùng trong phân tích

QCVN 05:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm

TCVN 3795:1983 - Natri hydroxit kỹ thuật - Phương pháp xác định hàm lượng Natri hydroxit, tổng lượng bazơ và natri cacbonat

TCVN 3796:1983 - Natri hydroxit kỹ thuật - Phương pháp xác định hàm lượng natri clorua

ASTM E 291-18 - Standard Test Methods for Chemical Analysis of Caustic Soda and Caustic Potash (Sodium Hydroxide and Potassium Hydroxide)

ISO 3196:1975 - Sodium Hydroxide For Industrial Use - Determination Of Carbonates Content - Titrimetric Method

ASTM E1787-16 - Standard Test Method For Anions In Caustic Soda And Caustic Potash (Sodium Hydroxide And Potassium Hydroxide) By Ion Chromatography

ASTM D 4052-18 - Standard Test Method for Density, Relative Density, and API Gravity of Liquids by Digital Density Meter

3. Yêu cầu kỹ thuật

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng									
			Loại 20%	Loại 25%	Loại 30%	Loại 32%	Loại 35%	Loại 40%	Loại 42%	Loại 45%	Loại 48%	Loại 50%
1	Ngoại quan	-	Chất lỏng không màu, trong suốt									
2	NaOH	%	20,25 ±0,25	25 ±0,5	30,25 ±0,25	32 ±0,5	≥ 35,5	40 ÷ 41	42 ± 1	45 ± 1	48,25 ±0,25	50 ± 1
3	Na ₂ CO ₃	%	≤ 0,2									
4	NaCl	ppm	≤ 100									
5	Fe	ppm	≤ 1,5									
6	Si	ppm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	≤ 200
7	Na ₂ SO ₄	ppm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	≤ 600
8	NaClO ₃	ppm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	≤ 100
9	Tỷ trọng (ở 20°C)	-	≥ 1,219	≥ 1,268	≥ 1,325	≥ 1,340	≥ 1,385	≥ 1,430	≥ 1,440	≥ 1,460	≥ 1,500	≥ 1,510

4. Phương pháp lấy mẫu

- Mẫu được lấy tại các thùng chứa sản phẩm trước khi xuất bán ngay tại vòi đóng sản phẩm hoặc từng xe của mỗi khách hàng (khi có yêu cầu). Lượng mẫu lấy khoảng 500 ml cho một lần.

- Mẫu được chứa trong chai HDPE (thủy tinh) khô, sạch, có nắp kín và được chia làm 2 phần: 01 phần đem phân tích, 01 phần làm mẫu lưu;

- Mẫu lưu được bảo quản trong chai HDPE (thủy tinh) khô, sạch, có nắp kín và để ở nơi mát, bên ngoài ghi các thông tin:

- + Tên mẫu;
- + Thời gian lấy mẫu;
- + Nhân viên phân tích.

- Thời gian lưu mẫu: Ít nhất 3 ngày.

5. Phương pháp thử

5.1. Xác định ngoại quan: Quan sát bằng mắt.

5.2. Xác định hàm lượng natri hydroxit (NaOH) theo một trong hai phương pháp sau:

- TCVN 3795:1983 về natri hidroxit kỹ thuật - phương pháp xác định hàm lượng natri hidroxit, tổng lượng bazơ và natri cacbonat.

- ASTM E 291-18: Standard test methods for chemical analysis of caustic soda and caustic potash (sodium hydroxide and potassium hydroxide).

5.3. Xác định hàm lượng natri cacbonat (Na_2CO_3) theo phương pháp sau:

ISO 3196:1975 - Sodium Hydroxide For Industrial Use - Determination Of Carbonates Content - Titrimetric Method

5.4. Xác định hàm lượng natri clorua (NaCl) theo một trong hai phương pháp sau:

- TCVN 3796:1983 về natri hidroxit kỹ thuật - phương pháp xác định hàm lượng natri clorua.

- ASTM E 291-18: Standard test methods for chemical analysis of caustic soda and caustic potash (sodium hydroxide and potassium hydroxide).

5.5. Xác định hàm lượng sắt (Fe) theo phương pháp sau:

ASTM E291-18: Standard test methods for chemical analysis of caustic soda and caustic potash (sodium hydroxide and potassium hydroxide).

5.6. Xác định hàm lượng silic (Si) trên máy quang phổ phát xạ plasma (ICP).

5.7. Xác định hàm lượng natri sunfat (Na_2SO_4) theo phương pháp sau:

ASTM E 291-18: Standard test methods for chemical analysis of caustic soda and caustic potash (sodium hydroxide and potassium hydroxide).

5.8. Xác định hàm lượng natri clorat (NaClO_3) theo phương pháp sau:

ASTM E 1787-16 - Standard Test Method For Anions In Caustic Soda And Caustic Potash (Sodium Hydroxide And Potassium Hydroxide) By Ion Chromatography.

5.9. Xác định tỷ trọng dung dịch (ở 20°C) theo phương pháp sau:

ASTM D 4052-18 - Standard Test Method for Density, Relative Density, and API Gravity of Liquids by Digital Density Meter.

6. Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản, tồn trữ

6.1 Ghi nhãn

Việc ghi nhãn hàng hóa đối với sản phẩm xút (dạng lỏng không bao bì) được vận chuyển bằng xi téc được thực hiện theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP, Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/6/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và các quy định pháp luật liên quan, gồm có các nội dung sau:

- Tên hàng hóa;
- Tiêu chuẩn áp dụng;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;

- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
- Định lượng;
- Ngày sản xuất;
- Hạn sử dụng;
- Thành phần hoặc thành phần định lượng;
- Mã nhận dạng hóa chất (nếu có);
- Hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ (nếu có);
- Biện pháp phòng ngừa (nếu có);
- Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản.

6.2 Bao gói

- Bao bì phải làm từ vật liệu chịu được môi trường kiềm và bền đối với va đập như: nhựa cứng, thép phủ composite, inox;
- Nắp đậy bao bì chứa phải kín không bị rò rỉ trong quá trình vận chuyển và bảo quản;
- Trước khi chứa sản phẩm, bao bì phải cọ rửa thật sạch tránh để lẫn các loại hoá chất khác.

6.3 Vận chuyển

- Khi vận chuyển bằng phương tiện ô tô, tàu hoả, mỗi bao bì chứa sản phẩm phải có một rọ bảo vệ xung quanh và đáy phải chèn bằng vật liệu mềm. Không được vận chuyển chung với các hoá chất khác, đặc biệt là các loại axit;
- Có thể vận chuyển các bao bì chứa Natri hydroxit bằng các phương tiện giao thông công cộng nhưng phải được bảo quản như quy định trong mục 6.4.
- Trên đường vận chuyển, chủ phương tiện không đỗ, dừng ở nơi công cộng, đông người;
- Kèm hồ sơ liên quan theo các quy định pháp luật hiện hành.

6.4 Bảo quản, tồn trữ

- Sản phẩm phải được bảo quản, tồn trữ tại nơi khô, mát, thoáng gió, được che mưa, nắng và tránh xa các vật chuyển động như cần cẩu, vận thăng ... có nguy cơ rơi xuống nơi để sản phẩm;
- Nền nhà nơi bảo quản, tồn trữ phải được làm hay được phủ bằng vật liệu chịu được môi trường kiềm;
- Không bảo quản, tồn trữ sản phẩm chung một nơi với các hoá chất khác, đặc biệt là hoá chất có tính axit;
- Cần có các biện pháp để tránh nguy cơ gây nên đổ vỡ, rò rỉ ra ngoài;
- Thời gian tồn trữ: Không quy định.

7. Quy tắc an toàn

7.1 Có phiếu an toàn hóa chất kèm theo.

7.2 Nhãn cảnh báo: Trên bao bì phải dán nhãn cảnh báo theo các quy định về an toàn hóa chất.

7.3 Khi sử dụng phải dùng các phương tiện bảo vệ cá nhân và phải tuân theo các quy định về an toàn hóa chất.

TỔNG GIÁM ĐỐC**Văn Đình Hoan**